

CHÍ PHÈO

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Nắm được những nét chính về con người, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.
- Hiểu và phân tích được các nhân vật chính, đặc biệt là nhân vật Chí Phèo, qua đó thấy được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc, mởi mẻ của tác phẩm.
- Thấy được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm như điển hình hoá nhân vật, miêu tả tâm lí, nghệ thuật trần thuật và ngôn ngữ nghệ thuật,...

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

- Bài học được chia thành hai phần. Phần một : *Tác giả* ; phần hai : *Tác phẩm*. Về thời gian, phần một dành một tiết, phần hai dành hai tiết.
 - Đây là một bài học có kết hợp giới thiệu những kiến thức văn học sử về tác giả Nam Cao. GV cần dành một thời lượng nhất định cho phần *Tác giả*.
 - Trong quá trình hướng dẫn HS học bài, cần làm cho hai nội dung của bài học (tác giả và tác phẩm) gắn bó và hỗ trợ cho nhau.
 - Về tác phẩm *Chí Phèo*, vì đây là một kiệt tác có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc, thể hiện những cách tân nghệ thuật về nhiều phương diện của ngòi bút Nam Cao, nên không thể nói hết về tác phẩm trong thời gian hai tiết. GV cần lựa chọn những vấn đề cơ bản của tác phẩm để hướng dẫn cho HS tìm hiểu và phân tích tác phẩm.

2. Trọng tâm bài học

- Những đóng góp chủ yếu của Nam Cao trong sáng tác về đề tài người nông dân nghèo và đề tài người trí thức nghèo, phong cách nghệ thuật của nhà văn.
- Hình tượng nhân vật Chí Phèo, giá trị về nội dung tư tưởng và đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn *Chí Phèo*.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Về tác giả Nam Cao, GV cần dựa vào bài viết trong SGK để hướng dẫn cho HS nắm được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn.

– Tuy là truyện ngắn, nhưng tác phẩm *Chí Phèo* không những có số trang in lớn mà còn có nội dung khá phong phú gần như một tiểu thuyết thu nhỏ. Trong thời gian hai tiết chỉ có thể tập trung vào một số vấn đề nhất định. Nói cụ thể hơn, là cần tập trung phân tích nhân vật Chí Phèo, nhất là vào đoạn cuối khi nhân vật này gặp thị Nở cho đến hết truyện.

– GV cần yêu cầu HS đọc kĩ và tóm tắt cốt truyện *Chí Phèo* ở nhà. Trên lớp, không có thời gian đọc lại tác phẩm ; khi cần chỉ đọc một vài đoạn đặc sắc (có thể chọn đoạn "Hắn vừa đi vừa chửi..." đầu tác phẩm hoặc một vài trang tả tâm trạng của Chí Phèo sau đêm gặp thị Nở,...).

2. Tiến trình dạy học

PHẦN MỘT : TÁC GIẢ

a) Về tiểu sử

– Quê Nam Cao ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân (nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Làng này xuất hiện trong nhiều sáng tác của Nam Cao với cái tên là Vũ Đại. Dân ở đây thường trồng chuối (giống chuối ngự thơm ngon nổi tiếng), trồng mía và trồng trầu. Khi đến vụ thu hoạch, họ thường bán cho người buôn chở xuống chợ ở Nam Định, cách làng khoảng 15 km. Một số người làm thêm nghề dệt, làm những mặt hàng đơn giản. Tuy vậy, dân đông ruộng ít, đây lại thuộc vùng chiêm trũng, thời trước mỗi năm chỉ trồng được một vụ lúa ; hơn nữa, lại bị bọn cường hào bóc lột tráng trọng, nặng nề nên tuy có nghề phụ, nhưng quanh năm người dân ở đây vẫn nghèo khổ.

Bút danh Nam Cao là ghép từ hai chữ đầu tên huyện (Nam Sang) và tên tổng (Cao Đà) mà thành.

– Học hết bậc Thành chung (cấp THCS), năm 1935 Nam Cao theo người cậu vào Sài Gòn và có ý định ra nước ngoài học tập nhưng không thành. Sau khoảng hơn ba năm, do đau ốm, ông phải trở về quê. Từ đó, Nam Cao phải sống vất vưởng khi làm ông giáo trường tư, khi viết văn, làm gia sư, lúc thì phải sống nhờ vợ.

– Nam Cao tham gia Hội Văn hoá cứu quốc từ tháng 4 năm 1943 – khi Hội vừa được thành lập. Từ đó cho tới lúc hi sinh (1951), ông một lòng tận tụy phục vụ cách mạng và kháng chiến. Năm 1946, Nam Cao có mặt trong đoàn quân Nam tiến vào đến Nam Trung Bộ ; 1947 lên chiến khu Việt Bắc làm công tác văn nghệ và được

kết nạp vào Đảng tại Bắc Cạn ; 1950 tham gia chiến dịch Biên giới ; 1951 cùng Nguyễn Huy Tuởng đi công tác khu Ba. Nam Cao tham gia đoàn công tác thuế nông nghiệp vùng địch hậu. Ông có ý định thu thập thêm tài liệu để viết cuốn tiểu thuyết đang thai nghén. Nhưng Nam Cao đã hi sinh trong chuyến công tác ở vùng địch hậu vào tháng 11 năm 1951. Đầu năm 1998, hài cốt của Nam Cao được chuyển về quê hương.

b) Về con người Nam Cao

Cần lưu ý HS mấy nét nổi bật sau :

– Nam Cao là con người có bề ngoài lạnh lùng, ít nói nhưng có đời sống nội tâm phong phú. Ông luôn nghiêm khắc đấu tranh với bản thân để thoát khỏi lối sống tầm thường nhở hép, vươn tới một cuộc sống cao đẹp xứng đáng với danh hiệu con người. Nam Cao thường hổ thẹn về những gì mà ông cảm thấy tầm thường, thấp kém của mình.

– Có tấm lòng đôn hậu, chan chứa tình thương, đặc biệt có sự gắn bó sâu nặng với quê hương và những người nông dân nghèo khổ, bị áp bức và khinh miệt trong xã hội cũ, vì thế, không ít tác phẩm của Nam Cao viết về kiếp người lầm than là những thiên trữ tình đầy sự đồng cảm, xót thương. Ông hay suy nghĩ về nhiều vấn đề trong đời sống để rút ra những nhận xét có tầm triết lí sâu sắc và mới mẻ.

(Những nhận xét nêu trên thường được những nhà văn đã có dịp sống gần gũi Nam Cao như Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Kim Lân,... nhắc tới. Và cũng có thể dễ dàng nhận thấy qua một số tác phẩm có tính chất tự truyện, nhất là qua tiểu thuyết *Sống mòn* của Nam Cao.)

Văn là người, những đặc điểm trong sáng tác của Nam Cao phản ánh khá đúng con người nhà văn.

c) Về quan điểm nghệ thuật của Nam Cao

Ở trên lớp, không có thời gian đi sâu vào vấn đề này. Vả lại, phần quan điểm nghệ thuật của Nam Cao SGK trình bày tuy ngắn gọn nhưng cũng đã nêu được những nội dung cơ bản nhất. GV chỉ cần phân tích thêm một vài dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Những điều trình bày thêm dưới đây chủ yếu để GV tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy phần này.

– Nam Cao là một trong số không nhiều các nhà văn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 tự giác về quan điểm nghệ thuật và có quan điểm nghệ thuật tiến bộ. Mặc dù không có những tác phẩm chính luận chuyên bàn về quan điểm nghệ thuật, nhưng rải rác trong các sáng tác của Nam Cao, ta thấy quan điểm nghệ thuật của ông được thể hiện khá hệ thống, nhất quán và có nhiều điểm tiến bộ so với phần đông nhà văn cùng thời. Không ít khía cạnh trong quan điểm đó chứng tỏ sự phát triển ở trình độ cao của tư duy nghệ thuật hiện thực. Bởi thế, có thể nói, phải đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó.

Kể từ năm 1940 trở đi, đặc biệt là từ năm 1943, với sự ra đời của bản *Đề cương văn hoá Việt Nam*, của tổ chức Văn hoá cựu quốc, vấn đề xác định quan điểm nghệ thuật trở thành một vấn đề tâm huyết trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao,... Trong số này tiêu biểu hơn cả là Nam Cao. Có thể nói *Nam Cao là người phê phán tính chất thoát li tiêu cực của văn học lâng mạn đương thời một cách toàn diện và sâu sắc nhất*. Theo ông, đó là thứ nghệ thuật "lừa dối", âm hưởng chính của nó toàn là "cái giọng sướt mướt của kẻ thất tình". Nhà văn phê phán đích đáng bệnh chạy theo thời thượng của các cây bút lâng mạn thoát li lúc bấy giờ: "đua nhau tả những cuộc tình duyên của trai thành thị gái đồng quê. Vai chủ động trong các truyện ấy đều là những thôn nữ rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ" (*Một truyện xú-võ-nia*).

Lên án văn học lâng mạn thoát li cũng có nghĩa là Nam Cao lên án quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, khẳng định văn học hiện thực, khẳng định nghệ thuật vị nhân sinh. Nam Cao yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống của nhân dân lao động, "nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than", nhà văn cần phải "đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời..." (*Giăng sáng*).

Bên cạnh việc phê phán không khoan nhượng văn học lâng mạn thoát li, Nam Cao còn chỉ rõ hạn chế của những tác phẩm phản ánh hiện thực mờ nhạt, ý nghĩa xã hội non kém. Trong truyện *Đời thừa*, nhà văn Hộ nhận xét : "Cuốn Đường về chỉ có giá trị địa phương [...]. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lầm". Theo Nam Cao, một tác phẩm hiện thực phải có giá trị phổ quát "vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn", đặc biệt phải thấm nhuần nội dung nhân đạo cao cả, "chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn". Phải đặt quan điểm này vào hoàn cảnh phức tạp của văn học Việt Nam đương thời mới thấy hết ý nghĩa của nó, mới thấy yêu cầu xác đáng của Nam Cao đối với một tác phẩm hiện thực chủ nghĩa chân chính.

– Trong số những nhà văn hiện thực trước Cách mạng, Nam Cao là người có ý thức trách nhiệm cao về ngòi bút của mình. Theo ông, nghề viết văn trước hết phải là một nghề sáng tạo. Nhà văn phải biết "khoi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có". Ông châm biếm sâu cay những cây bút thiếu bản lĩnh, a dua chạy theo thị hiếu tầm thường "thấy người ta ăn khoai cũng vác mai đi đào". Để làm được công việc khó khăn ấy, Nam Cao cho rằng nhà văn phải "đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán" ; phải có lương tâm nghề nghiệp, nhất là không được cẩu thả, "cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện". Đặc biệt, Nam Cao luôn đòi hỏi nhà văn phải có tinh thần nhân đạo cao cả. Trong *Đời thừa*, dẫu nuôi nhiều hoài bão về nghệ thuật, nhưng Hộ vẫn có thể hi sinh nghệ thuật cho cuộc sống ; dù trong hoàn cảnh nào nhân vật này cũng không thể bỏ người vợ

gầy yếu và những đứa con thơ dại của mình. Bài học có thể rút ra từ nhân vật Họ là nhà văn muốn viết cho nhân đạo thì phải sống cho nhân đạo.

Quan điểm nghệ thuật tiến bộ này góp phần quan trọng để Nam Cao có nhiều chuyển biến ngay sau khi trở thành hội viên Hội Văn hoá cứu quốc. Trong tiểu thuyết *Sóng mòn* (1944), qua nhân vật Thứ, Nam Cao khẳng định : "Tặng người y không cho y cầm súng, cầm guom, y sẽ cầm bút mà chiến đấu". Từ việc thấy rõ trách nhiệm phản ánh chân thực cuộc sống của nhân dân lao động đến việc khẳng định sứ mệnh chiến đấu của nhà văn là một bước tiến vượt bậc trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với cá nhân nhà văn mà còn chứng tỏ sự gắp gỡ tất yếu giữa văn học hiện thực chân chính và văn học cách mạng.

d) Sự nghiệp sáng tác của Nam Cao

Nam Cao có sáng tác từ năm 1936. Như vậy trước khi *Chí Phèo* ra đời, nhà văn Trần Hữu Tri đã có 5 năm cầm bút. Trong chặng sáng tác ban đầu có tính chất thể nghiệm này, ông chịu ảnh hưởng của văn học lâng mạn thoát li và đã cho in hàng chục truyện ngắn, một số bài thơ và một vở kịch ngắn, với nhiều bút danh nhưng nhìn chung không mấy thành công. Nhà văn chỉ thực sự được khẳng định tài năng của mình khi truyện ngắn *Chí Phèo* ra đời, với bút danh Nam Cao. Tuy vậy, trước Cách mạng, nhà văn chưa được dư luận chú ý.

Trước Cách mạng, Nam Cao đã có hơn 60 tác phẩm được in. Ngoài ra, ông còn một số bản thảo truyện vừa, nhưng nhà xuất bản đánh mất bản thảo như *Cái bát*, *Cái miếu*, *Ngày lụt*...

– Ở mảng đề tài người trí thức nghèo, Nam Cao thường "lấy mình ra làm cái máy kiểm nghiệm" (Nguyễn Minh Châu), lấy bản thân và bạn bè gần gũi của mình làm nguyên mẫu để viết một loạt truyện ngắn, một truyện vừa và một tiểu thuyết. Nhân vật chính trong những sáng tác này là những nhà văn nghèo, những viên chức, những giáo khổ trường tư,... Họ mang nhiều hoài bão cao đẹp, khát khao được phát triển nhân cách, được đóng góp cho xã hội, được khẳng định trước cuộc đời. Nhưng họ đã bị xã hội bất công, cuộc sống đói nghèo "ghì sát đất". Những hoài bão, những ước mơ cao đẹp của họ bị vùi dập phũ phàng.

Vậy những sáng tác của Nam Cao ở mảng đề tài này có những giá trị gì nổi bật ?

Trước hết là Nam Cao đã phản ánh một cách chân thực thực trạng buồn thảm, cơ cực của những người trí thức tiểu tư sản nghèo, đồng thời phản náo nhà văn cũng phác họa được bức tranh đen tối, u ám của xã hội Việt Nam đang đứng trước bờ vực thảm của sự khủng hoảng trước Cách mạng.

Nhưng giá trị thực sự của mảng đề tài này không chỉ có thể. Điều quan trọng hơn và giá trị hơn là thông qua những bi kịch tinh thần của người tiểu tư sản trí thức

nghèo, Nam Cao đã kết tội xã hội vô nhân đạo bóp nghẹt sự sống, đẩy con người vào tình trạng chết mòn, tàn phá tâm hồn và đẩy con người trở thành thù địch với con người. Đồng thời, nhà văn thể hiện cuộc đấu tranh kiên trì của những người này trước sự cám dỗ của lối sống ích kỉ, sự đầu độc của môi trường dung tục để thực hiện lẽ sống nhân đạo, để vươn tới một cuộc sống cao đẹp.

– Ở mảng *đề tài người nông dân nghèo*, Nam Cao thường lấy nguyên mẫu từ những người quen biết, thân thuộc trong cái làng Đại Hoàng lam lũ của mình để xây dựng nên những lão Hạc, dì Hảo, lang Rận, Chí Phèo,...

Qua những sáng tác ở mảng đề tài này, Nam Cao đã phản ánh chân thật cuộc sống tối tăm, cực nhục của người nông dân sau luỹ tre. Nhà văn thường quan tâm đến số phận khổn khổ của những ai thấp cổ bé họng, thường xuyên bị đè nén, áp bức nặng nề nhất. Đây là những người cố cùng, lép vế, những phụ nữ bất hạnh lấy phải chồng chẳng vũ phu,... Thông qua số phận của họ, ông nêu lên tình trạng vô cùng bất công ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng. Dường như người nông dân càng hiền lành bao nhiêu, càng nhẫn nhục bao nhiêu, thì càng bị đè nén, áp bức nặng nề, trắc trở bấy nhiêu. Ngoài những nhân vật nói trên, Nam Cao thường viết về những người chỉ vì quá đói nghèo nên đã bị lăng nhục, xúc phạm một cách tàn nhẫn, bất công (*Một bùa no, Lang Rận, Đòn chồng, Tư cách mõ*,...). Đây là những người cằn cỗi, u mê, thậm chí dị hình dị dạng, đầy thú tính, có khi gây nên những chuyện nhục nhã, xấu xa. Viết về quá trình tha hoá của những con người này, nhà văn có phát hiện thật sâu sắc : Xã hội tàn bạo đã huỷ diệt cả thể xác lẫn linh hồn người nông dân lương thiện, đẩy họ vào cuộc sống khốn cùng không lối thoát. Đồng thời, nhà văn cũng khẳng định nhân tính và bản chất lương thiện của những con người này, ngay khi họ đã bị xã hội độc ác cướp mất cả hình hài và tính cách con người.

Ngoài ra, với tư cách là một cây bút hiện thực nghiêm ngặt, Nam Cao cũng không ngần ngại chỉ ra những thói hư, tật xấu của người nông dân, phần do môi trường đói nghèo tăm tối, phần do chính những con người này gây ra (*Đòn chồng, Trẻ con không được ăn thịt chó*,...). Tất cả những điều đó chứng tỏ chiều sâu hiện thực và nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao. Khi trình bày phần này, GV nên kể tóm tắt một vài truyện của Nam Cao trong số những truyện như *Một bùa no, Tư cách mõ, Trẻ con không được ăn thịt chó, Đòn chồng, Dì Hảo, Lang Rận*,... để làm sáng tỏ những nội dung vừa nêu.

– Phần nói về con người, sự nghiệp sáng tác của Nam Cao sau Cách mạng cần nhấn mạnh tinh thần tận tụy phục vụ kháng chiến của ông và chỉ rõ ý nghĩa của truyện *Đôi mắt và nhật ký Ở rừng* đối với thời kì đầu của nền văn học kháng chiến.

GV dựa vào SGK, hướng dẫn cho HS nắm một số nét chính phong cách nghệ thuật của Nam Cao.

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

♦ Gợi ý tìm hiểu tác phẩm

a) Nhan đề của truyện

Nhan đề đầu tiên của truyện ngắn này là *Cái lò gạch cũ*, nhưng khi in thành sách, nhà xuất bản tự ý đổi thành *Đôi lúa xứng đôi*; mãi đến năm 1946, tác giả mới đặt lại là *Chí Phèo*.

Đặt tên truyện là *Cái lò gạch cũ*, phải chăng tác giả muốn nói đến sự luẩn quẩn bế tắc, gắn với hình ảnh Chí Phèo ở đầu truyện, khi còn là thằng bé đéo hỏn được cuốn trong một cái ván đụp vứt ở cái lò gạch bỏ hoang và hình ảnh cuối truyện: Thị Nở sau khi nghe tin Chí Phèo đâm chết bá Kiến và tự sát một cách khủng khiếp đã nhớ lại những lúc gần gũi với hắn và nhìn nhanh xuống bụng rồi thoáng thấy hiện ra cái lò gạch cũ bỏ không ở nơi vắng người lại qua? Có thể sẽ có một Chí Phèo con ra đời cũng ở cái lò gạch ấy để "nối nghiệp" bố. Như vậy *Cái lò gạch cũ* như là *biểu tượng về sự xuất hiện tất yếu của hiện tượng Chí Phèo*, gắn liền với tuyến chủ đề chính của tác phẩm.

Còn nhan đề *Đôi lúa xứng đôi* thì hướng sự chú ý vào Chí Phèo và thị Nở – một con "quý dữ của làng Vũ Đại" mặt mũi bị "vần dọc vần ngang" và một mụ đàn bà xấu "ma chê quý hòn". Cách đặt tên *Đôi lúa xứng đôi* là rất giật gân, gây sự tò mò, phù hợp với thị hiếu của một lớp công chúng bấy giờ.

b) Chủ đề tác phẩm

Qua tác phẩm *Chí Phèo*, Nam Cao tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân nửa phong kiến tàn bạo đã cướp đi của người nông dân lương thiện cả nhân hình lẫn nhân tính. Đồng thời nhà văn cũng trân trọng phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của những con người này ngay khi tưởng chừng họ đã bị biến thành quỷ dữ.

c) Phân tích tác phẩm

Như đã nói ở trên, *Chí Phèo* là một kiệt tác, trong 2 tiết trên lớp, GV không thể hướng dẫn HS khám phá hết giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Những điều trình bày dưới đây chủ yếu để GV tham khảo, chọn lọc để phục vụ cho việc hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.

- *Hình ảnh làng Vũ Đại*

Toàn bộ truyện *Chí Phèo* diễn ra ở làng Vũ Đại. Đây chính là không gian nghệ thuật của tác phẩm. Làng này dân "không quá hai nghìn, xa phủ, xa tỉnh". Và đặc biệt là có tôn ti trật tự thật nghiêm ngặt, cao nhất là cụ tiên chỉ bá Kiến "bốn đời làm tổng lí", uy thế nghiêng trời. Rồi đến đám cường hào, chúng kết thành bè cánh, mỗi cánh kết bè đảng xung quanh một người: cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông tư Đạm, cánh ông bát Tùng... như một đàn cá tranh mồi. Sau nữa là

những người nông dân thấp cổ bé họng, suốt đời bị đè nén, áp bức. Và lại còn một hạng dưới đáy cùng hơn cả dân cùng, sống tăm tối như thú vật. Đó là Năm Thọ, binh Chúc, Chí Phèo. Đám cường hào một mặt ngầm ngầm chia rẽ, nhè nhẹ chỗ hở để mà trị nhau, cho nhau "ăn bùn" (chẳng hạn, bà Kiến đã dùng tên đầu bò Chí Phèo để trị đội Tảo, đến khi bà Kiến bị đâm chết, thì bọn kì hào mùng rõ nhìn lí Cường bằng con mắt thoả mãn và khiêu khích) ; mặt khác, chúng "đu lại với nhau" để bóc lột, ức hiếp nông dân. Ở làng Vũ Đại này, những nông dân hiền lành chỉ è cổ làm để nuôi bọn lí hào. Nếu không họ dành bỏ làng mà đi, chấp nhận kiếp sống chui lủi, kiểu như Năm Thọ.

Như vậy, chỉ qua một số chi tiết được chọn lọc kỹ lưỡng, sắp đặt rải rác tưởng chừng như ngẫu nhiên trong tác phẩm, Nam Cao đã có thể dựng nên một làng Vũ Đại sống động, hết sức ngọt ngào, đen tối. Nam Cao đã làm nổi bật mối xung đột giai cấp âm thầm mà quyết liệt ở nông thôn. Đây chính là hình ảnh thu nhỏ của nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

- *Hình tượng nhân vật Chí Phèo*

Nạn nhân đau khổ nhất, tiêu biểu nhất ở làng Vũ Đại, nói rộng ra là ở xã hội thối nát đương thời, là Chí Phèo. Đây là nhân vật chính hội tụ những giá trị đặc sắc của tác phẩm.

Trước hết, cần phải thấy Chí Phèo không những điển hình cho một bộ phận cố nông bị lưu man hóa như một số người đã nhận xét mà ý nghĩa khái quát của nhân vật này còn rộng lớn hơn nhiều. Cuộc đời và số phận của Chí Phèo thể hiện một quy luật có tính phổ biến trong xã hội cũ là quy luật bần cùng hóa, rồi đi đến lưu man hóa không chỉ ở một tầng lớp nhân dân.

Nam Cao không phải là nhà văn viết về nhân vật bị lưu man hóa đầu tiên trong văn học. Nhưng ông là người đặt ra vấn đề con người tha hóa một cách ám ảnh và sâu sắc nhất mà truyện *Chí Phèo* được coi là một thành tựu đột xuất.

Có thể chia cuộc đời Chí Phèo làm ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất : từ lúc Chí ra đời tới lúc bị đẩy vào tù. Giai đoạn hai : từ khi Chí Phèo ra tù tới khi gặp thị Nở. Giai đoạn ba : từ khi bị thị Nở khuất từ tình yêu tới khi Chí đâm bà Kiến và tự sát.

+ Giai đoạn thứ nhất của cuộc đời Chí Phèo chỉ được nhà văn nói lướt qua bằng mấy câu ở đầu tác phẩm. Mãi đến cuối truyện mới có một số chi tiết như là ngẫu nhiên kể tạt ngang về đoạn đời ngày xưa của Chí. Tuy vậy, vẫn đủ giúp người đọc nắm được lai lịch của nhân vật này. Dẫu có hoàn cảnh riêng khá độc đáo, nhưng xét đến cùng, Chí là một nông dân lương thiện như nhiều nông dân khác. Ở một xã hội bình thường, những con người như thế hoàn toàn có thể sống một cách lương thiện, yên ổn.

+ Giai đoạn thứ hai của cuộc đời Chí Phèo : Chỉ vì ghen tuông vu vơ, bá Kiến đã nhẫn tâm đẩy người thanh niên này vào tù. Nhà tù thực dân đã tiếp tay cho tên cường hào, sau 7, 8 năm đã biến một nông dân khoẻ mạnh, lương thiện và tự trọng thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại". Từ đây, dễ nhận thấy nhất là *Chí đã bị cuộp mất hình hài của con người*. Di tù về, hắn trở thành một người khác hẳn trước đây, "trông gớm chết" : "Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hơn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai mắt gùm gùm [...]. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ". Không những thế, tính cách Chí cũng đã khác hẳn. Chí không còn là một anh canh điền ngày xưa. Nay giờ Chí là một thằng liều mạng. Hắn có thể làm tất cả mọi việc như một thằng đầu bò chính cống : kêu làng, ăn vạ, đập phá, đâm chém,... Chính vì thế, Chí thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại".

Mở đầu truyện là một hình ảnh đầy ấn tượng : Chí Phèo vừa đi vừa chửi. Lạ ở chỗ Chí chửi, nhưng không có người nghe chửi. Hắn chửi đời, chửi trời, chửi cả làng Vũ Đại. Thế mà vẫn không ai lên tiếng ; Chí dành "chửi cha đúra nào không chửi nhau với hắn". Sau khi chửi hết đối tượng này đến đối tượng khác, mà chẳng có ai phản ứng gì, hắn dành chửi chính "đúra chết mẹ nào" đê ra mình. Có người cho rằng hắn chửi vì say rượu. Thực ra, trong con người Chí, cái say, cái tinh luân song song tồn tại. Việc chửi bới của Chí chính là *phản ứng của y với toàn bộ cuộc đời*. Nó bộc lộ tâm trạng bất mãn của một con người ít nhiều ý thức được mình đã bị xã hội phi nhân tính gạt ra khỏi thế giới loài người. Nhưng tiếng chửi của Chí thật thảm hại vì cũng chỉ là một trong vô vàn âm thanh trong vũ trụ. Khi mất quyền làm người thì dù Chí chửi hay khóc, cười hay nói, uống rượu hay kêu làng, phỏng có khác gì nhau ? Chí Phèo thích kêu làng. Thông thường kêu làng là một hiệu lệnh cực kì khẩn cấp để có được sự chú ý và trợ giúp của mọi người. Nhưng trường hợp Chí thì khác, cho dù hắn kêu làng "như một người bị đâm" thì giới lầm cũng chỉ làm cho thị Nở kinh ngạc còn cả làng "cũng không ai ra điều", đáp lại lời hắn "chỉ có ba con chó dữ". Những chi tiết này thật đơn giản, nhưng Nam Cao nói với người đọc rất nhiều về kiếp sống cô độc của người nông dân bị tha hoá, không còn được làm người.

Điều đáng nói nữa, tuy vốn là nông dân lương thiện, nhưng khi đã bị biến thành quỷ dữ thì những kẻ như Chí Phèo rất *dễ bị bọn thống trị lợi dụng*. Từ chỗ hung hăng xách vỏ chai đến nhà bá Kiến gọi tên tục ra mà chửi, Chí Phèo đã trở thành tay sai của bá Kiến. Đồng thời, Chí cũng nhanh chóng trở thành kẻ mù quáng gây tai họa cho những nông dân lương thiện khác.

Như vậy, từ một nông dân hiền lành và tự trọng, xã hội tàn bạo mà đại diện là bá Kiến và nhà tù thực dân đã biến Chí thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại" cả về hình hài lẫn tâm tính. Và vì Chí đã thành quỷ dữ cho nên dân làng Vũ Đại – nơi Chí sinh ra và cưu mang Chí – không thừa nhận và khai trừ Chí ra khỏi cộng đồng. Từ đây, Chí sống tăm tối như thú vật, xa lìa với mọi người, với xã hội loài người. Do đó, nỗi đau đớn nhất ở Chí Phèo chính là nỗi đau của một con người bị tàn phá về

thể xác, bị huỷ diệt về tâm hồn, bị xã hội cự tuyệt không cho làm người, chứ không chỉ là nỗi đau vì đói cơm rách áo, không nhà cửa, không nơi nương tựa,... như một số nhân vật trong các tác phẩm văn học hiện thực khác. Sức mạnh tố cáo, giá trị hiện thực mới mẻ, độc đáo của tác phẩm chính là ở chỗ đó.

Chí Phèo là hiện tượng có tính quy luật trong xã hội đương thời, là sản phẩm của tình trạng đè nén, áp bức ở nông thôn trước Cách mạng. Vì bị đè nén, áp bức quá đáng, người lao động lương thiện không còn cách nào khác đã buộc phải chống trả bằng cách lưu manh hoá. Có thể nói, Nam Cao là nhà văn đã chăm chú theo dõi và luôn bị ám ảnh bởi hiện tượng này. Trong không ít tác phẩm, Nam Cao đã xây dựng những nhân vật vốn hiền lành trở thành ngang ngược. Đó là Trạch Văn Đoành trong *Đôi móng giò*, là cu Lộ trong *Tư cách mõ*, là Đức trong *Nửa đêm*,... Và trong *Chí Phèo*, ngoài Chí lại còn có hai "bậc tiền bối" là Năm Thọ và binh Chức. Và Chí hoàn toàn có thể có kẻ tiếp nối. Đó là thông điệp Nam Cao muốn gửi đến người đọc qua các nhân vật Năm Thọ, binh Chức và đặc biệt là qua chi tiết khi nghe tin Chí Phèo chết, thị Nở nhớ lại những lúc chung sống với hắn rồi nhìn nhanh xuống bụng và đột nhiên "thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...". Như vậy, rõ ràng khi bọn địa chủ cường hào, và nói rộng ra là cái trật tự tàn bạo đương thời, cõi ra sức áp bức, bóc lột thậm tệ, không cho con người được sống hiền lành tử tế, thì sẽ còn những dân lành bị đẩy vào con đường lưu manh. "Sức mạnh phê phán, ý nghĩa điển hình của hình tượng Chí Phèo trước hết là ở chỗ đã vạch ra thật hùng hồn cái quy luật tàn bạo, bi thảm đó trong xã hội đương thời" (Nguyễn Hoành Khung).

Nhưng giá trị độc đáo của tác phẩm không chỉ ở đó. Viết về trường hợp nông dân bị lưu manh hoá, với tư cách là cây bút hiện thực nghiêm ngặt, Nam Cao đã thể hiện một cái nhìn nhân đạo, bằng cách đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của những con người khốn khổ, ngay khi tưởng như họ đã bị xã hội tàn ác cướp mất cả hình người và tính người.

+ Giai đoạn thứ ba của cuộc đời Chí Phèo được thể hiện tập trung qua mối tình giữa nhân vật này và thị Nở.

Cú tát Chí Phèo mãi mãi sống kiếp thú vật, rồi sẽ kết thúc bằng cách vùi xác ở một bờ bụi nào đó. Nhưng không, bằng tài năng, nhất là bằng trái tim nhân đạo của một nhà văn lớn, Nam Cao đã để cho Chí Phèo trở về sống kiếp người một cách thật tự nhiên.

Chí Phèo bất ngờ gặp thị Nở... Thế rồi nửa đêm, Chí đau bụng nôn mửa, thị Nở dùi hắn vào trong lều.

Sáng hôm sau, Chí Phèo tỉnh dậy khi "trời sáng đã lâu". Và kể từ khi mãn hạn tù trở về, đây là lần đầu tiên con quý dữ của làng Vũ Đại hết say, hoàn toàn tỉnh táo. Chí thấy lòng "bâng khuâng", "mơ hồ buồn". Và lần đầu tiên, Chí nghe thấy những

âm thanh quen thuộc của cuộc sống xung quanh : "Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá ! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá" và Chí còn nghe rõ cuộc trò chuyện của những người đàn bà đi buôn vải ở Nam Định về. "Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy..." ; vì chỉ đến hôm nay hắn mới hoàn toàn tỉnh táo, các giác quan mới hoạt động bình thường. Những âm thanh ấy chính là tiếng gọi tha thiết của cuộc sống.

Vậy, điều gì đã làm cho con người triền miên trong con say, sáng nay lại hoàn toàn tỉnh táo ? Vì cuộc gặp gỡ với thị Nở, điều ấy đã rõ nhưng chưa đủ. Nam Cao là cây bút hiện thực có chiều sâu, mỗi sự thay đổi của nhân vật đều được lí giải một cách thuyết phục. Ở đây, không thể bỏ qua vai trò của trận ốm. Trận ốm đã góp phần làm "thay đổi hắn về sinh lí cũng thay đổi cả tâm lí nữa".

Khi tỉnh táo, Chí Phèo nhìn lại cuộc đời của mình cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Trước hết, hắn nhớ lại những ngày "rất xa xôi", "hắn đã ao ước có một gia đình nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm". Mộng ước của Chí Phèo thật bé nhỏ, giản dị, nhưng suốt bao năm nó chưa trở thành hiện thực. Đấy là quá khứ, còn hiện tại ? Hiện tại của hắn thật đáng buồn. Buồn vì Chí Phèo thấy mình đã già, "đã tới cái dốc bên kia của đời", "cơ thể đã hư hỏng nhiều", thế mà hắn vẫn đang "cô độc". Còn tương lai ? Tương lai lại đáng buồn hơn, bởi hắn có quá nhiều sự bất hạnh : "đói rét và ốm đau, và cô độc". Đối với Chí Phèo, cô độc "còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau".

Từ khi đi tù về, Chí Phèo "bao giờ cũng say", "say vô tận". Vì thế, hắn sống như vô thức. Giờ đây, lần đầu tiên hắn tỉnh táo suy nghĩ, nhận thấy tình trạng bi đát, tuyệt vọng của cuộc đời mình.

Đúng lúc Chí Phèo đang "vẫn vơ nghĩ mai" thì thị Nở mang "nồi cháo hành còn nóng nguyên" vào. Việc làm này của thị khiến hắn hết sức "ngạc nhiên" và xúc động đến mức trào nước mắt. Bởi vì một lẽ đơn giản, đây là lần thứ nhất trên đời "hắn được một người đàn bà cho". Hắn thấy cháo hành của thị Nở thơm ngon lạ lùng : "Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm". Thị ra, đối với Chí Phèo, bát cháo hành của thị Nở không chỉ là bát cháo hành bình thường, mà trong đó hàm chứa cả tình yêu thương chân thành thị dành cho hắn. Và như vậy, cũng có nghĩa hàm chứa cả hạnh phúc lứa đôi mà lần đầu tiên Chí có được.

Khi ăn bát cháo hành, Chí Phèo trở lại là anh canh điền ngày xưa. Như vậy, một lần nữa chúng tỏ Chí Phèo có bản tính tốt lành, nhưng cái bản tính này trước đây bị lấp đi đến nay mới gặp cơ hội được thể hiện.

Vậy vì đâu bản tính này được thể hiện ? Là cây bút hiện thực nghiêm ngặt, Nam Cao giải thích điều ấy một cách thuyết phục :

* Chí Phèo vốn là người nông dân lương thiện, có bản tính tốt đẹp. Xã hội tàn ác (đại diện là bá Kiến và nhà tù thực dân) dẫu có ra sức huỷ diệt bản tính ấy, nhưng

nó vẫn âm thầm sống trong đáy sâu tâm hồn Chí Phèo, ngay cả khi con người này tưởng chừng đã bị biến thành quỷ dữ.

* Khi gặp thị Nở và cảm nhận được tình yêu mộc mạc, chân thành của thị (lại trong hoàn cảnh vừa qua một trận ốm), bản chất ấy có cơ hội hồi sinh và nó đã hồi sinh. Từ đây, Chí Phèo sống đúng với con người thật của mình.

Chí Phèo mong nhở thị Nở mà hoà nhập với mọi người, chấm dứt đoạn đời thú vật để sống đúng với kiếp người.

Nhưng, sự mong ước được sống lương thiện của Chí Phèo một lần nữa lại không thành hiện thực. Thị Nở không thể giúp gì thêm cho hắn. Bởi lẽ bà cô thị kiên quyết ngăn cản mối tình này. Bà không thể đồng ý cho cháu bà "đâm đầu" đi lấy thẳng Chí Phèo – "con quỷ dữ của làng Vũ Đại" – bấy lâu nay "chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ". Mặc dù, nghe những lời bà cô mắng, thị Nở thấy "lộn ruột" (tức là thấy vô lí, uất ức), nhưng cũng phải nghe theo. Và thị đã giận dữ "trút vào mặt hắn tất cả lời bà cô". Điều này khiến Chí "ngẩn người" vì thất vọng, nhưng lúc này, có lẽ hắn chưa đến nỗi tuyệt vọng. "Hắn lại như hít thấy hơi cháo hành". Khi thị ra về, "hắn đuổi theo thị, nắm lấy tay". Như vậy, chúng tỏ Chí khao khát tình yêu, thiết tha đến với thị Nở – đến với cuộc đời lương thiện – biết chừng nào.

Khi thấy không có cách gì níu giữ được thị Nở, tình yêu đã bị tan vỡ, Chí Phèo rơi vào tình thế tuyệt vọng. *Với bi kịch tinh thần của con người sinh ra là người, nhưng lại không được làm người*, Chí vật vã, đau đớn. Tuyệt vọng nên hắn lại uống rượu. Nhưng thật lạ, hôm nay hắn "càng uống lại càng tỉnh ra". Nói cho chính xác hơn là tuy say, nhưng trong thẳm sâu tâm hồn, nhân vật này vẫn ý thức rất rõ về nỗi đau thân phận. Vì thế, "hắn ôm mặt khóc rung rức" và cứ "thoang thoảng thấy hơi cháo hành". Chi tiết này được nhà văn nhắc đi nhắc lại nhằm tô đậm niềm khát khao tình yêu thương và nhất là bi kịch tinh thần của Chí. Trong con khủng hoảng và bế tắc, Chí Phèo càng thấm thía hơn tội ác của kẻ đã cướp đi của mình cả bộ mặt và linh hồn con người. Chí đã xách dao ra đi. Đến nhà bà Kiến, Chí trợn mắt, chỉ tay vào mặt lão, đanh thép kết tội tên cáo già này và đòi "làm người lương thiện", đòi bộ mặt lành lặn. Như vậy, Chí đã hành động như một người tinh táo với những suy nghĩ sâu sắc. Thế rồi, Chí đâm chết kẻ thù và kết liễu cuộc đời mình. Hành động của Chí vượt khỏi suy nghĩ của tên địa chủ nổi tiếng khôn ngoan, gian hùng. Mặc dù trước đó, dường như Chí không định đến nhà bà Kiến; nhưng việc đến nhà bà Kiến rõ ràng không phải là việc làm thiếu suy nghĩ. Thực ra, Chí hiểu khá rõ về con người bà Kiến. Đâu phải vô cớ, vừa mới đi tù về Chí đã xách vỏ chai đến nhà cụ bà rạch mặt ăn vạ? Đâu phải vô cớ, thỉnh thoảng hắn lại ngật nguồng đến đó để "đòi nợ"? Tuy làm tay sai cho bà Kiến, nhưng ngọn lửa hòn căm vẫn âm ỉ cháy trong con người Chí Phèo. Đặc biệt nó càng bùng lên dữ dội khi anh ta đã thức tỉnh, hiểu ra nguồn gốc bi kịch của mình. Do đó, Chí Phèo đâm chết bà Kiến không hẳn vì say rượu mà chính vì mối thù đã bùng cháy.

Cái chết của Chí Phèo cũng là tất yếu. Việc Chí Phèo tự sát cũng không phải là hành động mù quáng do hơi men mang đến. Trước hết, đấy là một bi kịch. Chí đã thức tỉnh, tức là anh ta không thể đập phá, chém giết như trước được nữa. Chí muốn lương thiện, nhưng ai cho hắn lương thiện ? Kẻ thù của Chí đâu phải chỉ có một mình bá Kiến mà là cả cái xã hội thối nát và ác độc đương thời. Bởi vậy, Chí Phèo tất yếu phải tìm đến cái chết. Chỉ có cái chết mới giúp cho Chí Phèo thoát khỏi kiếp sống của con quỷ dữ. Trước đây, để tồn tại Chí Phèo phải bán bộ mặt người, linh hồn người cho quỷ dữ. Đến nay, khi linh hồn đã trở về, Chí Phèo phải đổi cả sự sống của mình. Như vậy, rõ ràng đối với Chí Phèo, *niềm khao khát được sống lương thiện cao hơn cả tính mạng*. Vì vậy, cái chết của Chí Phèo có ý nghĩa tố cáo mãnh liệt cái xã hội thực dân nửa phong kiến không những đẩy người nông dân lương thiện vào con đường bần cùng hoá, lưu manh hoá mà còn đẩy họ vào chỗ chết.

Qua kết cục bi thảm của Chí Phèo, người đọc có thể nhận thấy cảm quan hiện thực sâu sắc của nhà văn Nam Cao : Tình trạng xung đột giai cấp ở nông thôn Việt Nam là hết sức gay gắt, và nó chỉ có thể được giải quyết bằng những biện pháp quyết liệt.

Như vậy, qua đoạn văn này, Nam Cao đã thể hiện tư tưởng nhân đạo độc đáo, mới mẻ : Phát hiện, miêu tả phẩm chất tốt đẹp của người nông dân ngay cả khi tưởng như họ đã bị xã hội thực dân nửa phong kiến tàn ác biến thành thú dữ. Điều này đã tạo nên giá trị đặc sắc cho đoạn trích nói riêng và cho toàn bộ tác phẩm *Chí Phèo* nói chung.

- *Hình tượng nhân vật bá Kiến*

Đây là một trong số những nhân vật điển hình xuất sắc, được xây dựng đặc biệt thành công của văn học hiện thực nói chung và của Nam Cao nói riêng.

Trong tiểu thuyết *Tắt đèn*, khi xây dựng nhân vật địa chủ nghị Quế keo kiệt, thô lỗ, Ngô Tất Tố đã mô tả khá rõ gia cảnh, rồi đến những hành động và cử chỉ của hắn. Nhưng đối với bá Kiến, Nam Cao không hề tả diện mạo, chỉ nói đến giọng nói ngọt nhạt, tiếng quát "rất sang" và "cái cười Tào Tháo" mà y tự phụ là hơn đời. Bằng vài chi tiết, nhưng nhà văn đã tạo cho bá Kiến những nét độc đáo, khiến người đọc khó quên. Tuy vậy, nhân vật này trở thành sống động chủ yếu do năng lực miêu tả nội tâm sắc sảo của tác giả.

Nhà văn để cho bá Kiến xuất hiện lần đầu trước độc giả đúng lúc Chí Phèo say rượu, đến cổng nhà Bá Kiến rạch mặt ăn vạ. Cảnh tượng thật hỗn loạn, huyên náo. Thoáng nhìn qua, bá Kiến đã "hiểu cơ sự", hắn nhanh chóng tìm ra được kế sách thích hợp nhất để đối phó. Với sự từng trải, bá Kiến biết rất rõ tác hại của đám đông đang tụ tập kia. Bố con bá Kiến thêm mất mặt, nếu để dân làng chứng kiến hành động thô lỗ của Chí. Cụ bá cũng thừa biết tâm lí của những thằng đầu bò như Chí Phèo : đám đông kia chính là hậu thuẫn, kích thích để nó hung hăng hơn. Cũng cần phải

có thời gian để Chí Phèo dã rượu, đỡ táo tợn. Vả lại, nếu còn đám đông, bá Kiến khó có thể diễn thành công mánh khoé mua chuộc, dụ dỗ. Muốn dụ dỗ át phải nhún nhuờng. Đường đường là một cụ bá "hét ra lửa" mà để đám dân đen chứng kiến cảnh phải ngọt nhạt với thằng cùng đinh thì còn ra thể thống gì ? Bởi vậy, việc đầu tiên bá Kiến tìm cách giải tán đám đông, trước hết hấn quát mấy bà vợ và đuổi họ vào nhà. Những người đến xem không thể không hiểu đây là cụ bá đuổi khéo mình. Tiếp theo, quay sang bọn người làng, dịu giọng hơn một chút, cụ bảo : "Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ ! Có gì mà xúm lại như thế này ?". Đến đây tất nhiên không ai nói gì, họ lảng dần đi. Cho dù có tò mò, muốn biết sự tình, nhưng họ vẫn nể, vẫn sợ cụ bá. Vả lại, ngay vợ cụ cũng phải vào nhà rồi... Đến khi chỉ "còn trơ lại Chí Phèo", cụ bắt đầu giờ giọng đường mật, gọi đầy từ cũ của mình – nay đã bị biến thành con vật gớm ghiếc – bằng "anh", vồn vã mời Chí vào nhà uống nước. Chưa đủ, cụ tiên chỉ làng Vũ Đại còn nhận có họ hàng với anh cùng đinh khổn khổn này, rồi giết gà, mua rượu cho hấn uống, rồi còn đai thêm đồng bạc để về uống thuốc.

Cách cư xử ấy, chứng tỏ cụ bá lôi đời đã đi guốc vào bụng dạ Chí Phèo lúc này : vừa ưa phỉnh nịnh, vừa hám cái lợi trước mắt. Rốt cuộc, bá Kiến "khôn rroc đời" chuyển bại thành thắng, đạt được cả hai mục đích : vừa tạm dập tắt ngọn lửa hòn cẩm trong con người Chí, vừa chuẩn bị biến Chí thành tay sai lợi hại. Như vậy, chỉ qua tình huống trên cái xảo quyết, lọc lõi của tên cường hào bá Kiến được thể hiện một cách sinh động và đầy ấn tượng.

Cái nham hiểm ghê người của bá Kiến còn ở chỗ tìm cách làm cho lũ đàn em, hoặc đám dân làng "sinh chuyện", tức là chém giết, đốt phá lẫn nhau để hấn "có dịp mà ăn" !

Bên cạnh việc khắc hoạ sinh động bản chất xảo quyết, gian hùng của bá Kiến, Nam Cao không quên vạch trần nhân cách bỉ ổi của tiên chi làng Vũ Đại trong những mối quan hệ kín đáo. Và nhà văn tài năng ở chỗ, khi cần đặc tả sự đê tiện và thói dâm ô vô độ của tên cường hào này, ông đã bỏ qua nhiều chi tiết rất cụ thể và phong phú của nguyên mẫu lí Bình ở làng Đại Hoàng quê ông. Ngay cái việc gõ gạc của cụ lí đối với người đàn bà vắng chồng, lại có tiền, lẫn máu ghen tuông của hấn cũng chỉ được lướt qua. Tác giả chỉ để mấy dòng tả ý nghĩ của cụ bá về người vợ thứ tư trẻ đẹp ngôn ngữ sống ("Nhìn thì thích nhưng mà tung tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lụt sụt khi rụng gần hết răng"). Chỉ một vài chi tiết, nhưng nhò sự chọn lọc nên vẫn đủ sức khắc sâu trong người đọc về một nhân cách thảm hại.

Như vậy, bá Kiến vừa mang bản chất chung của giai cấp địa chủ cường hào, vừa có những nét riêng biệt sinh động, không giống bất cứ một nhân vật địa chủ nào trong văn học đương thời. Điều đó giải thích vì sao hấn luôn được chúng ta nhắc đến, khi cần ám chỉ một kẻ có quyền, có chức, nham hiểm và gian hùng. Nhân vật này ghi nhận trình độ xây dựng nhân vật điển hình bậc thầy của Nam Cao, với tư cách là nhà văn hiện thực xuất sắc.

- Về mặt nghệ thuật

+ Chí Phèo đã ghi nhận thành công trong xây dựng nhân vật, tiêu biểu nhất phải kể đến nhân vật Chí Phèo và bá Kiến. Đây có thể coi là những nhân vật điển hình sắc nét vừa có ý nghĩa tiêu biểu, vừa hết sức sinh động, có cá tính độc đáo, gây ấn tượng mạnh cho người đọc. Khi xây dựng những nhân vật này, Nam Cao đã phát huy cao độ sở trường khám phá và miêu tả những trạng thái tâm lí phức tạp của nhân vật (tiêu biểu nhất là tâm lí của Chí Phèo sau đêm gặp thị Nở và khi bị thị Nở khuất từ như đã nói ở trên).

+ Chí Phèo có một lối kết cấu mới mẻ, tưởng như vô cùng phóng túng thoải mái, gặp đâu nói đấy, chẳng theo trình tự thời gian, lúc đầu đi thẳng vào giữa truyện, sau mới ngược thời gian kể về lai lịch nhân vật nhưng thực chất lại rất chặt chẽ, lôgic.

+ Cốt truyện rất hấp dẫn, tình tiết đầy kịch tính và luôn biến hoá, càng về cuối càng gay cấn với những tình tiết quyết liệt, bất ngờ. (Nhiều sáng tác của Nam Cao hầu như không có cốt truyện, tình tiết không mấy hấp dẫn.)

+ Ngôn ngữ trong tác phẩm rất sống động, vừa điêu luyện, nghệ thuật vừa rất gần với lời ăn tiếng nói trong đời sống. Giọng điệu của nhà văn phong phú và biến hoá, có sự đan xen lẫn nhau. Cách trân thuật cũng rất linh hoạt. Nhà văn có khả năng nhập vào các vai, chuyển từ vai này sang vai khác một cách tự nhiên, linh hoạt, gây hấp dẫn cho người đọc. Lúc thì trân thuật theo điểm nhìn của tác giả, lúc thì trân thuật theo nhân vật Chí Phèo, khi lại trân thuật theo nhân vật bá Kiến, thị Nở,... Cũng có phần nhờ đó, Nam Cao tạo nên những giọng điệu đan xen lẫn nhau.

Với những đặc sắc trên, truyện ngắn *Chí Phèo* đúng là một phát hiện về nội dung, một khám phá về nghệ thuật, xứng đáng là một kiệt tác.

♦ Gợi ý trả lời câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài

Câu 2

Trước sự săn sóc đầy ân tình và tình yêu thương mộc mạc, chân thành của thị Nở, tâm trạng Chí Phèo đã diễn biến khá phức tạp và rất lôgic. Để chỉ ra sự lôgic này, trước hết phải hiểu, lúc đầu thị Nở chỉ khơi dậy bản năng của Chí Phèo, nhưng sự săn sóc giản dị đầy ân tình và lòng yêu thương mộc mạc, chân thành của người đàn bà khổn khổ này đã làm thức dậy bản chất lương thiện của người nông dân trong Chí Phèo. Đoạn văn nói về sự thức tỉnh tâm hồn của Chí Phèo sau đêm gặp thị Nở là một đoạn tuyệt bút thể hiện tư tưởng nhân đạo của một nhà văn lớn.

Khi được thị Nở cho cháo hành, Chí Phèo ngạc nhiên và hết sức cảm động "thấy mắt hình như ướn ướt". Điều này là dễ hiểu, vì như chính tác giả nói : "Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì".

"Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng", "vừa vui vừa buồn". Vui, vì lần đầu tiên được người khác yêu thương, chăm sóc ; buồn, vì thân phận của mình, ăn năn vì ý thức được những hành động sai trái mà mình đã làm trong quá khứ...

Chí Phèo nhận thấy cháo hành rất ngon và thị Nở cũng "có duyên" (lưu ý, đây vốn là một người có ngoại hình xấu xí). Chí Phèo nghĩ tới hạnh phúc vợ chồng, thấy mình bị thiệt thòi vì chưa bao giờ được săn sóc bởi bàn tay của người đàn bà. Chí nhớ đến nỗi nhục khi trước đây phải chịu theo ham muốn xác thịt của con quý cái vợ ba bà Kiến.

Cuối cùng, Chí Phèo hi vọng mình sẽ tìm được bạn đời. Và dĩ nhiên đấy chính là thị Nở. Hắn hi vọng "thị Nở sẽ mở đường cho hắn" vào cái xã hội "bằng phẳng thân thiện của những người lương thiện".

Câu 6

Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao qua đoạn trích này sâu sắc và mới mẻ ở chỗ nhà văn đã phát hiện, miêu tả phẩm chất tốt đẹp của người lao động ngay khi tưởng như họ đã bị xã hội tàn ác cướp mất cả bộ mặt người lẩn linh hồn người. (Tư tưởng nhân đạo của phần lớn các cây bút hiện thực khác chủ yếu thể hiện sự đồng cảm với nỗi khổ của người nông dân, lên án cái xã hội thực dân nửa phong kiến bóc lột tàn tệ người lao động, đẩy họ vào con đường bần cùng, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của họ.) Ở đây, nên so sánh tư tưởng nhân đạo của Nam Cao với tư tưởng nhân đạo của một vài nhà văn hiện thực để thấy được chỗ mới mẻ và sâu sắc của ông.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV căn cứ chủ yếu vào các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*, trọng tâm là câu hỏi về tác phẩm *Chí Phèo* (câu 3, câu 4) để kiểm tra, đánh giá khả năng hiểu bài của HS. Có thể ra thêm những câu hỏi tổng hợp, suy luận.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Ý kiến nêu trên khẳng định yêu cầu hết sức quan trọng đối với tác phẩm văn chương, nói rộng ra là đối với tác phẩm nghệ thuật. Người nghệ sĩ là phải *sáng tạo*, phát hiện ra cái mới.

Đây là ý kiến hoàn toàn đúng, phản ánh bản chất của nghệ thuật, được nhiều người khẳng định theo những cách diễn đạt khác nhau. ("Mỗi tác phẩm phải là một phát hiện về hình thức, một khám phá về nội dung" – Lê-ô-nít Lê-ô-nốp.) Ở đây, Nam Cao đã diễn đạt một cách ngắn gọn, hàm súc và giàu hình ảnh.

Bài tập 2

Truyện ngắn *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao được nhiều người khẳng định là một tác phẩm kiệt xuất của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại vì tác phẩm này có giá trị

tư tưởng (nhân đạo, hiện thực) sâu sắc, độc đáo, mới mẻ và được thể hiện bằng nghệ thuật bậc thầy (trong xây dựng nhân vật, lối kết cấu, xây dựng cốt truyện, sử dụng ngôn ngữ,...) như đã phân tích kĩ ở trên.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoành Khung, *Nam Cao*, trong *Lịch sử văn học Việt Nam 1930 – 1945*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1978.
2. *Nam Cao – Vẽ tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.